

TÔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 47



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên
4. Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
5. Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc
2. Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)
3. Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên
3. Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Thanh Hải - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thầy mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021



Số: 040503/2021/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 05 tháng 04 năm 2021, từ trang 7 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng Công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho Công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 10,5 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5).

Trong năm 2020, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án với giá trị vốn hóa là 62,4 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.5).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào Công ty con", "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/TT-BTC thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 386.841.256.586 đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.017.151.775.734 đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP, thì giá trị phần vốn Nhà Nước chưa bao gồm giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Việc xác định giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính. Tổng Công ty có trách nhiệm nộp giá trị chi phí cơ hội của dự án này về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty mẹ và các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nên đọc các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán đề ngày 09 tháng 04 năm 2020 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Nguyễn Phương Liên.

Nguyễn Phương Liên
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4540-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		930.570.905.612	836.229.953.082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.715.260.358	4.830.725.375
1. Tiền	111		17.715.260.358	4.830.725.375
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		852.608.195.502	762.677.326.708
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	367.338.107.726	362.690.400.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	63.078.886.966	57.569.083.838
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	193.203.623.180	1.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	326.501.224.024	437.883.538.134
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(97.513.646.394)	(97.289.670.885)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	223.975.509
III. Hàng tồn kho	140	V.7	45.438.345.148	54.611.135.591
1. Hàng tồn kho	141		46.305.566.473	55.478.356.916
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(867.221.325)	(867.221.325)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.809.104.604	14.110.765.408
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	621.385.327	50.188.586
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.879.727.179	13.765.010.939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18a	307.992.098	295.565.883
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.946.264.043.691	1.925.789.080.197
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		127.409.083.954	149.468.902.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	127.409.083.954	149.468.902.629
- Nguyên giá	222		456.493.607.027	472.673.689.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(329.084.523.073)	(323.204.787.003)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.844.918.305	14.844.918.305
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	4.589.571.314	4.589.571.314
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	10.255.346.991	10.255.346.991
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.803.778.029.660	1.759.900.046.643
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	1.443.580.147.489	1.414.237.997.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	356.363.654.969	356.363.654.969
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	59.260.545.400	59.260.545.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(56.926.318.198)	(71.462.150.726)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.15	1.500.000.000	1.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		232.011.772	1.575.212.620
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	232.011.772	1.575.212.620
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.876.834.949.303	2.762.019.033.279

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.363.676.205.889	2.253.488.874.623
I. Nợ ngắn hạn	310		1.947.722.681.346	1.745.451.516.872
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	472.374.493.784	459.852.825.777
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17b	178.950.628.560	47.984.015.216
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	47.495.400.068	47.522.402.079
4. Phải trả người lao động	314		10.191.979.416	10.388.000.643
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	207.399.906.030	144.119.670.517
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	66.854.708.590	45.005.335.411
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	964.168.942.654	990.228.744.985
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		286.622.244	350.522.244
II. Nợ dài hạn	330		415.953.524.543	508.037.357.751
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.493.524.543	2.891.515.435
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	225.000.000.000	225.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	189.460.000.000	280.145.842.316
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		513.158.743.414	508.530.158.656
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	513.158.743.414	508.530.158.656
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(386.841.256.586)	(391.469.841.344)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(391.469.841.344)	(394.188.815.974)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.628.584.758	2.718.974.630
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.876.834.949.303	2.762.019.033.279


Trần Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng


Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 04 năm 2021

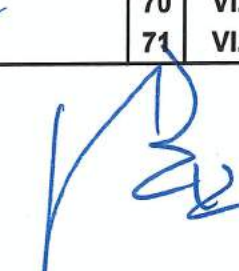


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		341.512.844.311	380.299.670.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	341.512.844.311	380.299.670.035
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	337.227.379.450	383.682.076.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.285.464.861	(3.382.406.400)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	110.493.365.758	149.660.022.878
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	59.412.797.080	90.752.468.367
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.948.125.110	82.533.385.141
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	30.375.838.944	30.921.931.010
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.990.194.595	24.603.217.101
11. Thu nhập khác	31		1.343.467.136	2.727.273
12. Chi phí khác	32	VI.6	21.705.076.973	21.886.969.744
13. Lợi nhuận khác	40		(20.361.609.837)	(21.884.242.471)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.628.584.758	2.718.974.630
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.628.584.758	2.718.974.630
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-


Trần Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

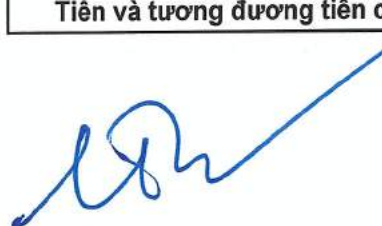

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 04 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.628.584.758	2.718.974.630
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	20.664.213.128	25.434.369.913
Các khoản dự phòng	03	(14.311.857.019)	5.804.426.374
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(110.202.851.120)	(149.660.022.878)
Chi phí lãi vay	06	73.948.125.110	82.533.385.141
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(25.273.785.143)	(33.168.866.820)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(72.761.984.463)	(11.545.628.156)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	9.172.790.443	7.530.290.030
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	203.677.907.824	(121.438.321.847)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	772.004.107	645.837.344
Tiền lãi vay đã trả	14	(70.530.996.505)	(27.868.206.392)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(63.900.000)	(12.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.992.036.263	(185.857.195.841)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	-	(1.357.365.162)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.105.090.909	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	330.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	83.533.052.458	120.333.516.378
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	84.638.143.367	117.806.151.216
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	306.928.079.132	1.017.685.466.693
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(423.673.723.779)	(956.554.184.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(116.745.644.647)	61.131.282.079
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	12.884.534.983	(6.919.762.546)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.830.725.375	11.750.487.921
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.715.260.358	4.830.725.375


Trần Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng


Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 04 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Nền móng và Kỹ thuật Hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 236 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 226 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh LICOGI số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày tại thuyết minh số V.12 và V.13

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh số liệu trên Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc được loại trừ toàn bộ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 386.841.256.586 đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.017.151.775.734 đồng, khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào các nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)*****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được ngay kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	28.754.930	253.490.366
Tiền gửi ngân hàng	17.686.505.428	4.577.235.009
Cộng	17.715.260.358	4.830.725.375

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Ban quản lý dự án thủy điện 1	1.409.706.918	62.972.912.255
Ban quản lý dự án thủy điện 3	13.481.426.654	13.481.426.654
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty CP Thủy điện Đakđrinh	83.438.404.125	88.245.133.221
Ban quản lý dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	3.879.019.004	20.217.921.000
BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Dân Dụng Và Công Nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	86.465.013.000	6.676.927.000
Các đối tượng khác	157.402.943.186	149.834.485.143
Cộng	367.338.107.726	362.690.400.112
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	34.307.782.819	37.186.403.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.322.757.198	10.274.201.642
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - Licogi	36.904.637.393	36.745.809.293
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Trả trước cho người bán khác	12.155.702.798	6.853.283.326
Cộng	63.078.886.966	57.569.083.838
b) Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	50.988.642.735	50.781.259.079

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (*)	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (**)	191.603.623.180	-
Cộng	193.203.623.180	1.600.000.000
b) Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	193.203.623.180	1.600.000.000

(*) Khoản cho vay theo hợp đồng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25 tháng 04 năm 2017, số tiền cho vay là 1.600.000.000 đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ, các hình thức đảm bảo tiền vay là nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMĐN/CKĐA ngày 19/04/2017.

(**) Khoản cho vay theo hợp đồng nguyên tắc số 04/2017/HĐVV/LICOGI-NƠĐT ngày 31 tháng 03 năm 2017, số tiền cho vay tối đa là 351.802.000.000 đồng, thời hạn cho vay tính từ ngày giải ngân đến ngày 15 tháng 08 năm 2019. Đơn vị vay để thực hiện dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn thay đổi, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ bằng 110% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân
Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khác ngắn hạn		
Phải thu về cổ phần hóa	3.628.215.586	4.545.190.796
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	58.494.339.800	31.534.026.500
Phải thu người lao động	2.969.238.604	3.932.148.296
Tạm ứng	24.539.776.396	24.676.782.440
Ký cược, ký quỹ	-	107.591.907
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (*)	-	35.549.423.380
Tạm ứng cho các bên liên quan khác	7.565.691.008	18.165.747.229
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (**)	99.998.942.598	260.366.551.646
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu lãi vay Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (***)	72.992.608.004	10.543.120.039
Phải thu khác	30.819.008.079	22.969.551.952
Cộng	326.501.224.024	437.883.538.134
b. Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại thuyết minh VII.1)</i>	178.829.149.997	348.444.133.051

(*) Khoản phải thu liên quan tạm ứng các khoản chi phí thanh toán hộ và khoản cổ tức phải thu chưa bù trừ với khoản vay Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

(**) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, các khoản Tổng Công ty cho Công ty con vay, tạm ứng để thực hiện dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại khoản cho vay sang khoản mục "Phải thu về cho vay" với giá trị là 191.603.623.180 đồng.

(***) Tổng giá trị khoản phải thu về chi phí lãi vay lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 10,54 tỷ. Trong năm 2020, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án với giá trị vốn hóa là 62,4 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a. Phải thu khách hàng	38.080.815.956	257.034.147	37.823.781.809	38.080.815.956
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	4.449.989.593	4.449.989.593
Công ty Cổ phần KT Đô thị Nam Thăng Long	1.982.135.768	-	1.982.135.768	1.982.135.768
Công trình Khu liên hợp thể thao Quốc gia	1.696.290.575	-	1.696.290.575	1.696.290.575
Phải thu khách hàng khác	8.690.805.181	257.034.147	8.433.771.034	8.690.805.181
b. Phải thu khác	53.929.732.119	-	53.929.732.119	53.705.756.610
Công ty Xây dựng 19	4.337.712.455	-	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác cảng	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	25.493.403.949
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	407.283.893	-	407.283.893	407.283.893
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	-	6.079.942.000	6.079.942.000
Phải thu đối tượng khác	17.361.389.822	-	17.361.389.822	17.137.414.313
c. Trả trước cho người bán	5.760.132.466	-	5.760.132.466	5.760.132.466
Công ty Thiết bị Công nghiệp XD Công nghệ mới	333.599.600	-	333.599.600	333.599.600
Công ty Cổ phần Licogi 13	440.835.303	-	440.835.303	440.835.303
Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	-	3.695.789.577	3.695.789.577
Trả trước cho người bán khác	1.289.907.986	-	1.289.907.986	1.289.907.986
Cộng	97.770.680.541	257.034.147	97.513.646.394	97.546.705.032
				257.034.147
				97.289.670.885

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.477.113.370	(867.221.325)	1.417.139.591	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.126.709.568	-	53.273.167.027	-
Thành phẩm	71.715.845	-	158.022.608	-
Cộng	46.305.566.473	(867.221.325)	55.478.356.916	(867.221.325)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM - Ba Son	12.783.441.365	12.783.441.365
Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - gói 10	8.470.940.688	10.454.261.096
Công trình trụ sở làm việc Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	1.218.047.688	1.058.047.688
Dự án 423 Minh Khai	2.158.942.956	3.769.377.918
Các dự án khác	19.495.336.871	25.208.038.960
Cộng	44.126.709.568	53.273.167.027

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
NGUYÊN GIÁ									
Tại ngày đầu năm	53.788.301.646	394.637.250.145	22.494.228.696	1.753.909.145	472.673.689.632				
Thanh lý, nhượng bán	(9.550.640.435)	(6.544.242.170)	-	-	(16.094.882.605)				
Giảm khác	-	(85.200.000)	-	-	(85.200.000)				
Tại ngày cuối năm	44.237.661.211	388.007.807.975	22.494.228.696	1.753.909.145	456.493.607.027				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Tại ngày đầu năm	41.731.742.764	258.737.970.777	21.305.991.445	1.429.082.017	323.204.787.003				
Khấu hao trong năm	1.467.440.363	18.390.651.669	715.882.425	90.238.671	20.664.213.128				
Thanh lý, nhượng bán	(9.550.640.435)	(5.148.636.623)	-	-	(14.699.277.058)				
Giảm khác	-	(85.200.000)	-	-	(85.200.000)				
Tại ngày cuối năm	33.648.542.692	271.894.785.823	22.021.873.870	1.519.320.688	329.084.523.073				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày đầu năm	12.056.558.882	135.899.279.368	1.188.237.251	324.827.128	149.468.902.629				
Tại ngày cuối năm	10.589.118.519	116.113.022.152	472.354.826	234.588.457	127.409.083.954				

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 168.483.853.003 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 117.004.417.041 đồng.

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Cộng	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314

Công trình Dự án Đầu tư Thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Ngày 9 tháng 3 năm 2017, hội đồng quản trị có nghị quyết về việc không tiếp tục đầu tư vốn vào dự án Thủy điện Cẩm Thủy và chỉ đạo các phòng ban chủ động tìm phương án thu hồi vốn đã bỏ ra. Và ngày 10/7/2017 UBND tỉnh Thanh Hóa đã ra thông báo số 131/TB-UBND, trong đó thống nhất tạm dừng các hoạt động của dự án thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty đang thực hiện và chuyển sang cho các sở ban ngành quy hoạch và trình phê duyệt dự án thủy lợi, thủy điện Cẩm Hoàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	621.385.327	50.188.586
Cộng	621.385.327	50.188.586
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	323.024.834
Chi phí sửa chữa cải tạo	124.419.865	473.102.892
Chi phí trả trước khác	107.591.907	779.084.894
Cộng	232.011.772	1.575.212.620

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại lô E7 đường Phạm Hùng (*)	9.671.801.536	9.671.801.536
Dự án tòa nhà văn phòng và nhà ở CBNV Licogi	583.545.455	583.545.455
Cộng	10.255.346.991	10.255.346.991

(*) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ-UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Số lượng CP	Giá gốc VND
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	1.529.568	34.476.838.106	1.529.568	34.476.838.106
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	27.609.700	300.945.730.000	27.609.700	300.945.730.000
Công ty CP Tư vấn Licogi	288.000	3.177.150.487	288.000	3.177.150.487
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	2.563.566	38.178.368.992	2.563.566	38.178.368.992
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	1.226.400	16.855.532.723	1.226.400	16.855.532.723
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	675.240	10.110.056.968	675.240	10.110.056.968
Công ty CP Licogi 15	659.430	6.593.800.000	659.430	6.593.800.000
Công ty CP Licogi 17	563.290	10.393.670.213	563.290	10.393.670.213
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.257.150	22.571.500.000	2.257.150	22.571.500.000
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.027.750	10.277.500.000	1.027.750	10.277.500.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi		900.000.000.000		900.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2		90.000.000.000		60.657.849.511
Cộng		1.443.580.147.489		1.414.237.997.000
		(54.409.218.518)		(52.776.367.474)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)**

Thông tin về Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đổng Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
2	Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
3	Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
4	Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Đông Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
5	Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
6	Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
7	Công ty CP Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
8	Công ty CP Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
9	Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
10	Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
11	Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
12	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản Kinh doanh Bất động sản

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	29.113.083	301.991.630.000	-	29.113.083	301.991.630.000	(18.342.741.972)
Công ty CP Licogi 14	6.328.590	52.372.956.000	-	4.794.388	52.372.956.000	-
Công ty CP Licogi 19		1.999.068.969	-		1.999.068.969	-
Cộng		356.363.654.969			356.363.654.969	(18.342.741.972)

Thông tin về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
2	Công ty CP Licogi 14	Phú Thọ	25,94%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
3	Công ty CP Licogi 19	Hà Nội	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng VND
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	
Công ty CP Licogi 12	596.700	7.895.068.192	-	596.700	7.895.068.192
Công ty CP Licogi 13	2.717.573	25.001.671.600	(2.174.058.400)	2.717.573	25.001.671.600
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	1.518.750	10.530.000.000	-	1.518.750	10.530.000.000
Công ty CP Thủy điện Đắkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	-	1.375.381	13.753.805.608
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	-	300.000	780.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	100.000	1.000.000.000	(85.673.179)	100.000	1.000.000.000
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	(257.368.101)	30.000	300.000.000
Cộng		59.260.545.400	(2.517.099.680)		59.260.545.400
					(343.041.280)

Thông tin về các Công ty nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Licogi 12	Hà Nội	8,52%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
2	Công ty CP Licogi 13	Hà Nội	4,19%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
3	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	Hà Nội	6,61%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
4	Công ty CP Thủy điện Đắkđrinh	Quảng Ngãi	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
5	Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Xây dựng công trình
6	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng chuyên dụng
7	Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Trái phiếu	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Cộng	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản đầu tư dài hạn là 1.500 trái phiếu dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với kì hạn 07 năm, lãi trái phiếu trả định kỳ 01 năm một lần với lãi suất tương đương 8%/năm.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9	61.333.072.770	(*)	61.072.236.896	(*)
Công ty Cổ phần Licogi 13	47.639.540.387	(*)	80.559.694.501	(*)
Công ty Cổ phần Licogi 16	37.628.594.020	(*)	41.244.903.354	(*)
Công ty Cổ phần Licogi 17	20.026.318.820	(*)	21.015.998.345	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	90.227.324.393	(*)	19.359.100.513	(*)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.290.566.312	(*)	27.282.569.824	(*)
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	5.599.168.222	(*)	10.995.665.990	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	28.148.658.686	(*)	29.498.374.836	(*)
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	13.287.484.261	(*)	-	(*)
Phải trả cho các đối tượng khác	154.193.765.913	(*)	168.824.281.518	(*)
Cộng	472.374.493.784	-	459.852.825.777	-
b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	122.385.595.752	(*)	136.635.772.589	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(*) Khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào việc đảm phán với các nhà cung cấp về thời gian trả nợ cũng như nguồn tiền thu được trong tương lai. Do hệ số nợ của Tổng Công ty đang ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định được số có khả năng trả nợ cũng như nợ quá hạn thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công Ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lấp Số 9	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	54.986.000.000	54.986.000.000	3.199.874.499	3.199.874.499
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô - Dự án đề chấn sóng Dung Quất	30.707.123.540	30.707.123.540	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592
Công trình Nhà máy Đóng tàu Dung Quất	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907
Người mua trả tiền trước khác	2.457.390.521	2.457.390.521	3.276.902.678	3.276.902.678
Cộng	178.950.628.560	178.950.628.560	47.984.015.216	47.984.015.216
	134.986.000.000		3.199.874.499	

b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	307.992.098	1.265.379.039	1.277.805.254	295.565.883
Cộng	307.992.098	1.265.379.039	1.277.805.254	295.565.883
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	18.271.861.728	1.135.698.003	1.135.698.003	18.271.861.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.464.234	-	-	1.171.464.234
Thuế thu nhập cá nhân	643.589.195	163.658.880	1.035.600.064	1.515.530.379
Thuế tài nguyên	67.886.000	413.344.798	430.315.000	84.856.202
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	833.678.346	833.678.346	-
Thuế bảo vệ môi trường	68.302.300	-	-	68.302.300
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	27.272.296.611	1.383.652.888	521.743.513	26.410.387.236
Cộng	47.495.400.068	3.930.032.915	3.957.034.926	47.522.402.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	115.845.535.384	51.726.935.646
Chi phí trích trước các công trình	69.201.756.321	73.236.785.713
Trong đó:		
- Công trình Suối Chấn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Công trình đại học quốc gia	18.340.877.589	19.565.382.474
- Dự án 20 Cộng Hòa	6.823.705.099	6.823.705.099
- Công trình thủy điện Bản Chát	7.598.262.434	11.597.173.967
- Dự án 423 Minh Khai	2.038.494.431	850.107.405
- Công trình khu liên hợp sản xuất Hòa Phát Dung Quất	7.605.818.108	7.605.818.108
Chi phí phải trả khác	22.352.614.325	19.155.949.158
Cộng	207.399.906.030	144.119.670.517
b) Chi phí phải trả bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	103.303.762.103	65.974.019.397

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	1.710.847.057	1.576.997.929
Bảo hiểm xã hội	9.168.338.114	9.261.818.019
Bảo hiểm y tế	766.620.200	733.953.808
Bảo hiểm thất nghiệp	872.933.068	779.182.853
Phải trả về CP hoá	14.112.595.415	14.112.595.415
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty CP Thủy điện Đakrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (*)	24.226.568.646	2.576.712.330
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	2.059.794.521	2.059.794.521
Các khoản khác	2.490.479.003	2.457.747.970
Cộng	66.854.708.590	45.005.335.411
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (**)	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (***)	165.000.000.000	165.000.000.000
Cộng	225.000.000.000	225.000.000.000
c) Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	91.726.568.646	70.076.712.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

- (*) Khoản phải trả bao gồm phải trả về chi phí lãi vay của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 và phải trả do nhận ứng trước từ hợp đồng số 04/2008/HĐĐT-XDC2-TL ngày 08/08/2008 về việc Tổng Công ty giao đất cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 thực hiện triển khai dự án Thịnh Liệt.
- (**) Ngày 25 tháng 09 năm 2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.
- (***) Theo biên bản thỏa thuận ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng Công ty để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/6/2017.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngân hàng	481.251.432.355	(*)	284.886.597.570	300.117.475.317	496.482.310.102	(*)
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	99.972.193.451	(*)	112.505.021.146	112.528.919.451	99.996.091.756	(*)
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	33.548.146.603	(*)	-	13.987.200.447	47.535.347.050	(*)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	297.926.986.953	(*)	82.996.821.520	84.277.399.410	299.207.564.843	(*)
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	49.804.105.348	(*)	89.384.754.904	89.323.956.009	49.743.306.453	(*)



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay các đơn vị	413.752.485.259	(*)	16.748.197.156	26.674.423.737	423.678.711.840	(*)
- Công ty Cổ phần Azura	(v) 217.500.000.000	(*)	-	-	217.500.000.000	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	(vi) 6.248.197.156	(*)	6.248.197.156	-	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	(vii) 85.000.000.000	(*)	-	-	85.000.000.000	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh LICOGI	(viii) 64.841.212.920	(*)	-	-	64.841.212.920	(*)
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LicoGI số 2	(ix) 11.641.339.779	(*)	10.500.000.000	18.858.660.221	20.000.000.000	(*)
- Tập đoàn Sông Đà	(x) 8.500.000.000	(*)	-	7.815.763.516	16.315.763.516	(*)
- Các đơn vị khác	(xi) 20.021.735.404	(*)	-	-	20.021.735.404	(*)
Vay cá nhân	59.229.182.724	(*)	5.168.284.406	1.192.269.540	55.253.167.858	(*)
Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	954.233.100.338		306.803.079.132	327.984.168.594	975.414.189.800	
Cộng Nợ dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh số V.22)	9.935.842.316				14.814.555.185	
Tổng cộng	964.168.942.654				990.228.744.985	
b) Vay và nợ ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	82.730.749.855				84.841.212.920	

Do hệ số nợ của Tổng Công ty ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định số có khả năng thanh toán cũng như quá hạn thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-202001921 ngày 11 tháng 12 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng là 110.000.000.000 đồng. Trong đó, hạn mức cấp bảo lãnh là 10 tỷ VNĐ, và hạn mức cấp bảo lãnh là 10 tỷ VNĐ. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,5%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ tối thiểu 3 tháng 1 lần, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 8/12/2021. Thời hạn vay của khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Tổng Công ty LICOGI - CTCP theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21/07/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL03.2020 ngày 25/11/2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm và Tổng Công ty Licogi - CTCP và cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 chủ sở hữu là Tổng Công ty Licogi - CTCP.
- (ii) Bao gồm 2 hợp đồng vay:
 - Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1480-LAV-201800196 ngày 21 tháng 08 năm 2018. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn hiệu lực cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời hạn của khoản vay tối đa là 10 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng chuyên dụng, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, lắp đặt hệ thống xây dựng. Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng Công ty LICOGI - CTCP và các chi nhánh phụ thuộc của Tổng Công ty.
 - Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/PLHD ngày 05 tháng 05 năm 2020 về việc cơ cấu lại hạn trả nợ gốc và lãi.
 - Khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201500281 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng là 14.000.000.000 đồng, thời hạn vay 8 tháng, lãi suất vay 9,5%/ năm. Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty.
 - (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/134627/HĐTD ngày 22 tháng 01 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng là 498.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 298 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 200 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/12/2020. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là một số máy móc thiết bị và tài sản của Tổng Công ty.
 - (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1300-LAV-202000487 ngày 25 tháng 05 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng là 80.000.000.000 đồng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm và có điều chỉnh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng đến hết ngày 25 tháng 05 năm 2021. Thời hạn của khoản vay tối đa là 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo bao gồm: Hợp đồng cầm cố cổ phần số 1300-LCP-201900526, số 1300-LCP-201900527, số 1300-LCP-201900528, số 1300-LCP-201900529 ngày 23/04/2019; và hợp đồng thế chấp tài sản số 1300-LCP-201900524 ngày 23/04/2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharvo).

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (v) Hợp đồng vay số 10_2019/HĐV_LICOGI ký ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Công ty Cổ phần Azura nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22/04/2019 đến ngày 22/07/2019. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 2.641.537 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Giá trị cổ phiếu theo hợp đồng là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm.
- (vi) Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng.
- (vii) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 14,5%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh.
- (viii) Bao gồm 2 hợp đồng vay:
 - Hợp đồng vay số 2509/2017/HĐV/LICOGI-CKĐA ngày 25 tháng 09 năm 2017 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 2509/2017/HĐV/LICOGI-CKĐA ngày 29 tháng 06 năm 2018 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 29/06/2018 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tài sản đảm bảo là quyền hưởng cổ tức năm 2017 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCP và số cổ phần tại Công ty Cổ phần Licogi 14 mà Tổng Công ty sở hữu theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 03/2017/134677 ngày 25/09/2017 và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2020 là 44.841.212.920 đồng.
 - Hợp đồng vay số 3105/2018/HĐV/LICOGI-CKĐA ngày 31 tháng 05 năm 2018 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tài sản đảm bảo là Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2020 là 20.000.000.000 đồng.
- (ix) Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 08 năm 2018 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/2019/HĐV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay 9,5%/năm. Thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày 22/02/2019 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tài sản bảo đảm là quyền hưởng lợi nhuận năm 2018, năm 2019 và các năm tiếp theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty LICOGI - CTCP. Khoản vay này hiện đã đáo hạn.
- (x) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phiếu của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(xi) Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Trong đó bao gồm Hợp đồng vay số 304_2018/HDV_LICOGI kí ngày 31 tháng 05 năm 2018 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCF và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ và tài khoản cho Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay là 9%/năm. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 31/12/2020 là 20.000.000.000 đồng.

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	9.935.842.316	(*)	125.000.000	14.939.555.185	24.750.397.501	(*)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	9.935.842.316	(*)	125.000.000	13.284.937.333	23.095.779.649	(*)
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh	-	(*)	-	1.654.617.852	1.654.617.852	(*)
Vay các đơn vị	189.460.000.000	(*)	-	80.750.000.000	270.210.000.000	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	189.460.000.000	(*)	-	80.750.000.000	270.210.000.000	(*)
Cộng	199.395.842.316		125.000.000	95.689.555.185	294.960.397.501	
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	9.935.842.316				14.814.555.185	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	9.935.842.316				13.159.937.333	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	-				1.654.617.852	
Cộng các khoản vay dài hạn	189.460.000.000				280.145.842.316	
b) Vay và nợ dài hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	189.460.000.000				270.210.000.000	

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Do hệ số nợ của Tổng Công ty ở mức cao nên Tổng Công ty chưa xác định số có khả năng thanh toán cũng như nợ quá hạn thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2013/HĐTD ngày 16 tháng 09 năm 2013 với số tiền 88.982.600.000 đồng, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ vay, được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phục vụ theo Quyết định số 14A/12/QĐ-HĐTV-ĐTTB ngày 22 tháng 04 năm 2013 của hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng v/v Phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị (Thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phụ trợ thi công nền móng). Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có hình thành trong tương lai, toàn bộ số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng tiền VNĐ và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác, doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 9.935.842.316 đồng.

(i) Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo các phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(394.188.815.974)	505.811.184.026
Lợi nhuận tăng trong năm	-	2.718.974.630	2.718.974.630
Số dư đầu năm này	900.000.000.000	(391.469.841.344)	508.530.158.656
Lợi nhuận tăng trong năm	-	4.628.584.758	4.628.584.758
Số dư cuối năm này	900.000.000.000	(386.841.256.586)	513.158.743.414

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
Cộng	100%	900.000.000.000	100%	900.000.000.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đồng Yên Nhật (JPY)	60.216	45.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	341.512.844.311	380.299.670.035
Trong đó:		
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	216.365.838.723	291.843.373.942
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.346.516.587	3.346.076.170
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	121.800.489.001	85.110.219.923
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	341.512.844.311	380.299.670.035
Doanh thu với bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	36.780.383.376	165.698.350.515

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, vật liệu xây dựng	214.577.150.744	289.855.017.713
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.008.203.114	2.762.605.386
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	119.642.025.592	91.456.614.570
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(392.161.234)
Cộng	337.227.379.450	383.682.076.435

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.841.110.272	41.790.149.259
Cổ tức lợi nhuận được chia	77.652.255.486	107.869.873.619
Cộng	110.493.365.758	149.660.022.878

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	73.948.125.110	82.533.385.141
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn	(14.535.832.528)	8.219.083.226
Chi phí tài chính khác	504.498	-
Cộng	59.412.797.080	90.752.468.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	724.934.923	1.308.666.356
Chi phí nhân viên quản lý	18.591.266.778	19.532.815.068
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.318.606.748	1.364.495.760
Thuế, phí, lệ phí	553.640.024	556.962.867
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	223.975.509	(2.022.495.618)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.218.160	-
Chi phí bằng tiền khác	8.935.196.802	10.181.486.577
Cộng	30.375.838.944	30.921.931.010

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	1.866.659.460	2.335.462.161
Khấu hao tài sản đang dừng hoạt động	17.931.747.822	19.551.507.583
Thanh lý tài sản cố định	290.514.638	-
Chi phí khác	1.616.155.053	-
Cộng	21.705.076.973	21.886.969.744

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.300.532.336	64.244.337.315
Chi phí nhân công	25.261.721.405	26.933.174.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.664.213.128	25.434.369.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.832.234.591	21.329.661.452
Chi phí khác bằng tiền	10.016.718.052	6.606.781.496
Cộng	167.075.419.512	144.548.324.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 15	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 17	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
a. Bán hàng	36.780.383.376	165.698.350.515
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	-	40.184.529.454
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	83.435.346
Công ty CP Licogi 17	-	92.928.282.864
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	31.820.560.000	11.709.112.688
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	-	17.945.550.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	-	87.272.727
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	4.959.823.376	2.760.167.436
b. Mua hàng	88.468.422.603	70.590.573.236
Công ty CP Licogi 17	88.228.422.603	309.071.338
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	240.000.000	56.452.958.731
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	-	13.828.543.167
c. Thu lãi cho vay	32.336.075.108	49.770.456.949
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	31.236.014.132	40.283.873.824
Công ty Cổ phần Licogi 15	193.166.668	237.763.890
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	906.894.308	872.601.652
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	-	6.476.217.583
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	1.900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
d. Cổ tức, lợi nhuận được chia	77.150.741.400	102.102.164.498
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	74.546.190.000	75.926.675.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	22.550.182.698
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	1.835.481.600	917.740.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	-	144.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	769.069.800	2.563.566.000

Số dư với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	34.307.782.819	37.186.403.114
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	1.381.840.156	1.381.840.156
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty Cổ phần Licogi 15	32.118.558	32.118.558
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	27.662.534.224	30.541.154.519
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	427.246.063	427.246.063
Các khoản người mua trả tiền trước	134.986.000.000	3.199.874.499
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	54.986.000.000	3.199.874.499
Công Ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	80.000.000.000	-
Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan	7.565.691.008	18.165.747.229
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	101.180.973	11.734.897.931
Công ty CP Licogi 15	1.749.532.230	1.604.921.118
Công ty CP Licogi 19	713.413.162	713.413.162
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	69.910.000	87.754.683
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	457	457
Công ty CP Lắp máy Điện nước	4.931.654.186	4.024.759.878
Cổ tức phải thu	58.195.989.800	29.817.220.000
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	55.219.400.000	27.609.700.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	2.207.520.000	2.207.520.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	769.069.800	-
Phải thu CP hóa các công ty con, liên kết	3.628.215.586	4.545.190.796
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	916.975.210
Công ty CP Lắp máy Điện nước	3.916.293	3.916.293
Công ty CP Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293
Phải thu khác	109.439.253.603	295.915.975.026
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	99.998.942.598	260.366.551.646
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	9.440.311.005	35.549.423.380

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****Số dư với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	122.385.595.752	136.635.772.589
Công ty Cổ phần Licogi 17	20.026.318.820	21.015.998.345
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	15.666.562.200	16.195.891.874
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.290.566.312	27.282.569.824
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	61.333.072.770	61.072.236.896
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	6.915.433.684	6.915.433.684
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	1.667.728.886	1.667.728.886
Công ty Cổ phần Licogi 14	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	1.013.804.678	1.013.804.678
Công ty Cổ phần Licogi 15	39.208.686	39.208.686
Trả trước cho người bán ngắn hạn	50.988.642.735	50.781.259.079
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	36.904.637.393	36.745.809.293
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.322.757.198	10.274.201.642
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	65.458.567	65.458.567
Chi phí phải trả	103.303.762.103	65.974.019.397
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	9.368.871.409	2.552.790.681
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	869.168.258	869.168.258
Công ty Cổ phần Licogi 15	5.652.391.698	5.295.644.840
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	15.202.721.144	15.202.721.144
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	1.491.347.897	506.685.165
Công ty CP Lắp máy Điện nước	31.106.878.797	26.662.819.052
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	1.833.814.437	113.336.639
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	681.494.043	64.943.207
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	37.097.074.420	14.705.910.411
Các khoản phải trả khác	91.726.568.646	70.076.712.330
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	24.226.568.646	2.576.712.330
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản vay	272.190.749.855	355.051.212.920
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	195.708.197.156	270.210.000.000
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	64.841.212.920	64.841.212.920
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	11.641.339.779	20.000.000.000
Các khoản cho vay	193.203.623.180	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	191.603.623.180	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị	1.276.000.000	1.565.500.000
1. Đinh Việt Tùng	128.000.000	216.000.000
2. Ưng Tiến Đỗ	344.000.000	314.000.000
3. Phan Thanh Hải	368.000.000	368.000.000
4. Nguyễn Thanh Hợp	92.000.000	261.500.000
5. Nguyễn Danh Quân	344.000.000	290.000.000
6. Hoàng Quốc Quân	-	116.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.224.000.000	1.434.000.000
1. Phan Thanh Hải	360.000.000	360.000.000
2. Phan Đức Hùng	308.000.000	308.000.000
3. Phan Lan Anh	308.000.000	308.000.000
4. Lê Khắc Duy	248.000.000	308.000.000
5. Nguyễn Danh Quân	-	150.000.000
Cộng	2.500.000.000	2.999.500.000

3. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m2. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

4. KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2012, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng tiền tạm ứng thừa và 12.656.798.538 đồng tiền lãi chậm trả. Ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án. Đơn đề nghị đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả trả này vào Báo cáo tài chính khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân
Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.


Trần Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng


Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 04 năm 2021

Số: 141./CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC
riêng năm 2020"

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngày 10/4/2021 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế. Trên báo cáo tài chính kiểm toán, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng Công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho Công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực Kế toán VN số 16-Chi phí đi vay(CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 10,5 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5).

Trong năm 2020, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án với giá trị vốn hóa là 62,4 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.5).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào Công ty con", "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/TT-BTC thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận



kế toán sau thuế chưa phân phối” tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán:

Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Đồng thời khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV nhà ở đô thị Licogi và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 Tổng Công ty xác định các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con.

Đối với khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi do Công ty con này chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản tạm ứng cho Ban quản lý dự án. Do các khoản tạm ứng này Công ty con đang phối hợp với các bên có liên quan để thu hồi các khoản tạm ứng này nên Công ty con chưa trích lập dự phòng phải thu đối với khoản tạm ứng này. Mặt khác, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, chúng tôi đã trích lập dự phòng khoản tạm ứng này khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề này được khắc phục khi Công ty nhà thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận, Tổng Công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thanh Hải

Số: 140 /CV-LICOGI

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 của BCTC riêng sau kiểm toán"

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Licogi-CTCP giải trình kết quả kinh doanh năm 2020 cụ thể như sau:

1- Giải trình kết quả kinh doanh năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	Biến động (%)
1	Tổng thu nhập sau giảm trừ:		453.350	529.962	-14%
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính	Tr. đồng	452.006	529.960	-15%
	- Thu nhập khác	Tr. đồng	1.343	2,73	
2	Tổng chi phí:	Tr. đồng	448.721	527.243	-15%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	4.629	2.719	70%
4	Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	4.629	2.719	70%

Năm 2020 lợi nhuận tăng 1,9 tỷ đồng so với năm 2019 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Năm 2020 thu nhập khác tăng do thu bán thanh lý tài sản.
- Năm 2020 chi phí tài chính giảm do các công ty con, công ty liên kết hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả so với năm 2019, Công ty mẹ hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính.

2- Giải trình chênh lệch lợi nhuận 5% so với báo cáo trước kiểm toán:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2020- sau kiểm toán	Năm 2020- trước kiểm toán	Biến động (%)
1	Tổng thu nhập sau giảm trừ:		453.350	453.140	0,05%
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính, thu nhập khác	Tr. đồng	453.350	453.140	0,05%
2	Tổng chi phí:	Tr. đồng	448.721	446.664	0%



	- Giá vốn	Tr. đồng	337.227	338.199	-0,3%
	- Chi phí tài chính	Tr. đồng	59.413	55.503	7%
	- Chi phí bán hàng	Tr. đồng	-	-	
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	30.376	30.152	1%
	- Chi phí khác	Tr. đồng	21.705	22.810	-5%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	4.629	6.475	-29%
4	Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	4.629	6.475	-29%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán giảm 1,8 tỷ đồng là do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Sau kiểm toán chi phí tài chính tăng 7% tương ứng 3,9 tỷ đồng là do trích lập dự phòng bổ sung một số khoản đầu tư tài chính và hạch toán bổ sung chi phí lãi vay.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải

